

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Nguồn gốc gây ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay chủ yếu là

- A. các hoạt động du lịch và thủy sản. B. phát triển công nghiệp và đô thị hóa.
C. sản xuất nông nghiệp và làng nghề. D. các khu kinh tế ven biển và đảo.

Câu 2: Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là

- A. dầu mỏ. B. gió. C. than nâu. D. than đá.

Câu 3: Thuận lợi chủ yếu của nước ta để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt là

- A. nhiều bãi triều rộng và đầm phá. B. vịnh, bãi triều và rừng ngập mặn.
C. nhiều cửa sông rộng và gần nhau. D. sông ngòi dày đặc và nhiều ao hồ.

Câu 4: Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5: Ngành giao thông vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh ở nước ta là

- A. đường ô tô. B. đường biển. C. đường sắt. D. đường hàng không.

Câu 6: Đô thị nào sau đây ở nước ta là thành phố trực thuộc tỉnh?

- A. Hạ Long. B. Đà Nẵng. C. Cần Thơ. D. Huế.

Câu 7: Duyên hải Nam Trung Bộ có thể mạnh phát triển về

- A. khai thác hải sản, du lịch biển. B. trồng cây lương thực, cây ăn quả.
C. chăn nuôi lợn và gia cầm. D. khai thác khoáng sản, thủy điện.

Câu 8: Trung tâm công nghiệp lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Phúc Yên. D. Nam Định.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên khoáng sản của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Giàu khoáng sản bậc nhất nước ta. B. Nghèo về tài nguyên khoáng sản.
C. Trữ lượng than lớn nhất cả nước. D. Chủ yếu là khoáng sản phi kim loại.

Câu 10: Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Tây Nguyên là

- A. điều. B. chè. C. cao su. D. cà phê.

Câu 11: Phía Bắc phần lãnh thổ trên đất liền nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- 2 A. Cam-pu-chia. B. Thái Lan. C. Mi-an-ma. D. Trung Quốc.

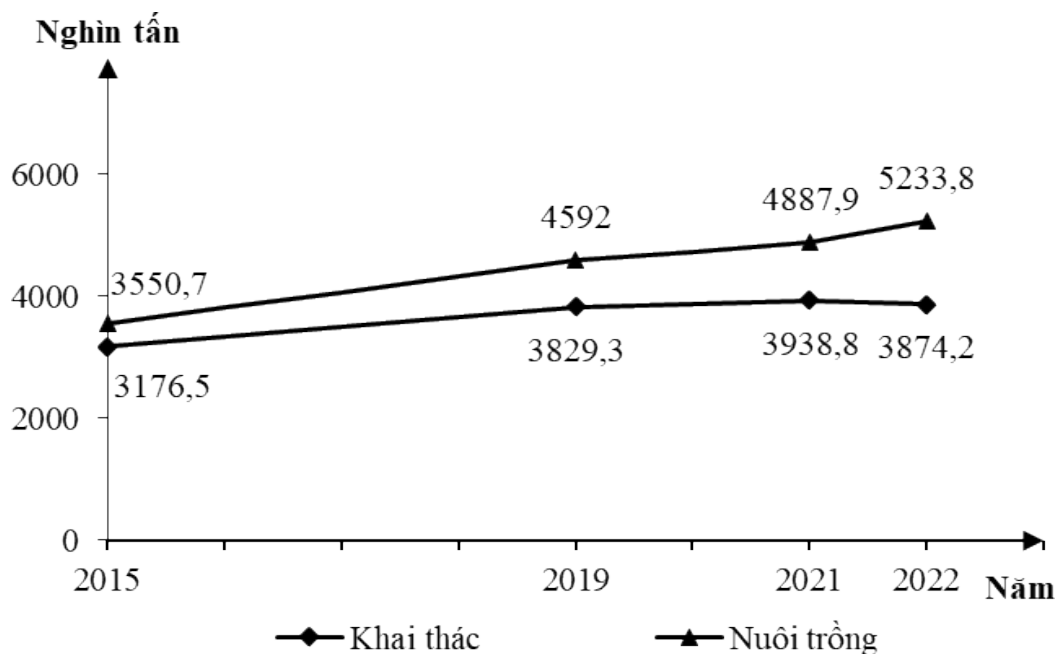
Câu 12: Du lịch về nguồn, tham quan tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 13: Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. đường bờ biển dài, nhiều đảo, bán đảo, đầm phá.
B. nhiều sông suối, khí hậu có mùa đông lạnh.
C. vùng biển rộng, nhiều ngư trường trọng điểm.
D. nguồn lợi hải sản phong phú, nhiều vịnh biển.

Câu 14: Cho biểu đồ:



Sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2015 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng nuôi trồng tăng ít hơn khai thác.

- B. Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- C. Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.
- D. Sản lượng khai thác giảm, nuôi trồng giảm.

Câu 15: Nhận định nào sau đây **không đúng** với thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta hiện nay?

- A. Các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- B. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
- C. Nguồn lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn.
- D. Thu hút được nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Câu 16: Loại gió gây mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ nước ta là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 17: Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. mở rộng diện tích canh tác, xây dựng công trình thủy lợi.
- B. thay đổi cơ cấu cây trồng, tích cực cải tạo tài nguyên đất.
- C. xây dựng công trình thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- D. tiến hành cải tạo đất đai, mở rộng thêm diện tích canh tác.

Câu 18: Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.
- B. các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.
- C. địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.
- D. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

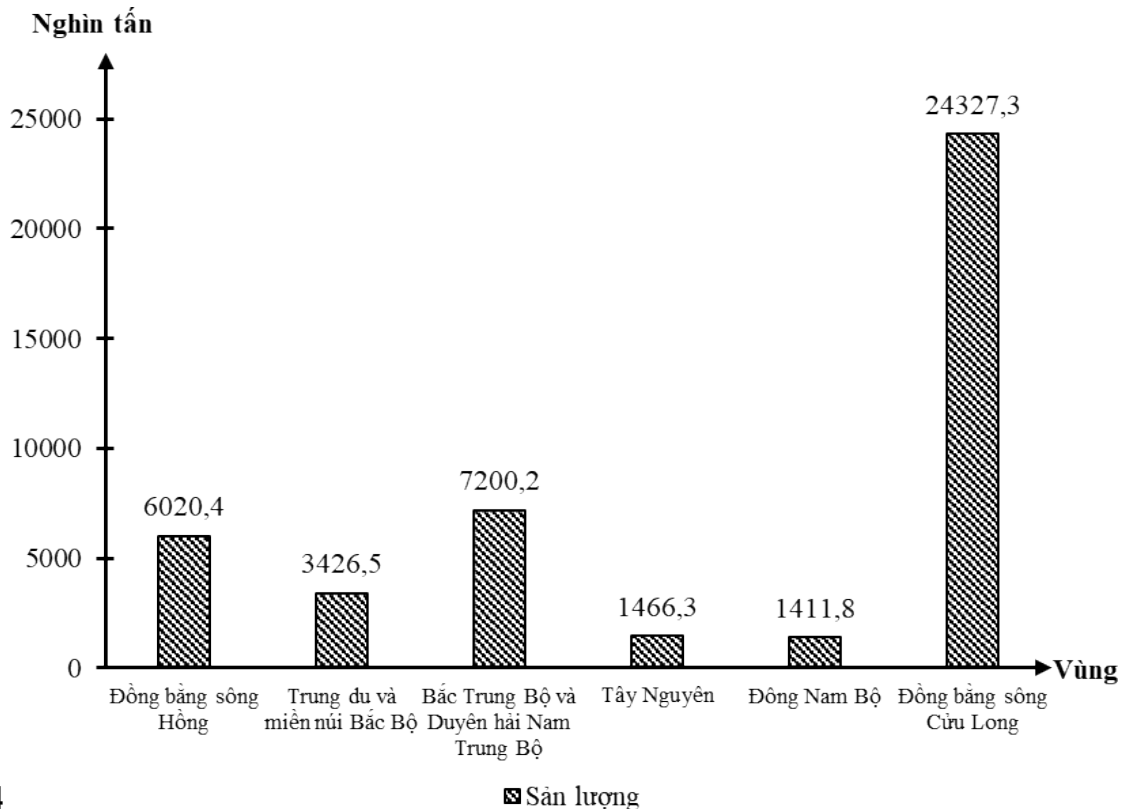
Năm	2010	2015	2020	2022
-----	------	------	------	------

Khai thác	2472,2	3176,5	3896,5	3874,3
Nuôi trồng	2732,3	3550,7	4739,2	5233,8
<i>Tổng</i>	<i>5204,5</i>	<i>6727,2</i>	<i>8635,7</i>	<i>9108,1</i>

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a) Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong cơ cấu sản lượng thủy sản có xu hướng giảm.
b) Năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác chiếm 57,5% tổng sản lượng thủy sản.
c) Sản lượng thủy sản nước ta tăng trong giai đoạn 2010 – 2022.
d) Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 – 2022, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

Câu 2: Cho biểu đồ:



4

SẢN LƯỢNG LÚA CÁC VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

- a) Tổng sản lượng lúa của nước ta năm 2021 là 43852,5 nghìn tấn.
b) Sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ lớn nhất.
c) Sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ gấp 4,9 lần sản lượng lúa của Tây Nguyên.

d) Chênh lệch sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ là gần 22,9 nghìn tấn.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Nhiệt độ trung bình năm của cả nước trên 20°C (trừ vùng núi cao), tổng số giờ nắng từ 1400 – 3000 giờ, lượng mưa trung bình năm từ 1500 – 2000 mm, độ ẩm không khí trung bình khoảng 80 – 85%, cân bằng ẩm luôn dương.

a) Cân bằng ẩm nước ta luôn dương là do lượng bốc hơi luôn lớn hơn lượng mưa.

b) Nhiệt độ trung bình cả năm trên cả nước cao nguyên nhân chính là do lượng bức xạ mặt trời quanh năm dương.

c) Đặc điểm trên biểu hiện khí hậu nước ta là nhiệt đới ẩm.

d) Độ ẩm không khí cao là do ảnh hưởng của biển và các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với các yếu tố địa hình.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế: đất phù sa màu mỡ, nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động cao bậc nhất cả nước, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kỹ thuật đồng bộ,... Công nghiệp của vùng đứng hàng đầu cả nước với cơ cấu ngành đa dạng. Dịch vụ là ngành kinh tế chiếm tỉ trọng cao nhất trong GRDP của vùng với các ngành chính: giao thông vận tải, thương mại, du lịch, tài chính – ngân hàng,...⁵

a) Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng có nền kinh tế phát triển hàng đầu ở nước ta.

b) Du lịch của vùng phát triển với các sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch văn hóa; du lịch lễ hội; du lịch sinh thái; du lịch biển, đảo; du lịch MICE;...

c) Hiện nay, công nghiệp của vùng phát triển mạnh chủ yếu do có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.

d) Công nghiệp khai thác khoáng sản của vùng ngày càng phát triển và chiếm tỉ trọng lớn.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022 NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tổng lượng mưa tại Vinh năm 2022 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Dân số Việt Nam năm 2022 là 99 474,4 nghìn người, diện tích là 331 345,7 km² (Theo niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số năm 2022 của Việt Nam là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Mức nước một số sông chính ở nước ta, năm 2022

(Đơn vị: cm)

Mức nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Lô (trạm Tuyên Quang)	2 203	1 175
Sông Thương (trạm Cầu Sơn)	1 587	1 232

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Thương tại trạm Cầu Sơn là bao nhiêu cm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Năm 2023, diện tích gieo trồng lúa đông xuân của tỉnh Thái Bình là 74,9 nghìn ha, sản lượng lúa đông xuân thu hoạch được là 530,3 nghìn tấn. Tính năng suất lúa vụ đông xuân của Thái Bình năm 2023 đạt bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, trị giá nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 359,8 tỉ USD, trị giá xuất khẩu là 371,7 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và số dân thành thị một số vùng ở nước ta năm 2022

(Đơn vị: triệu người)

Vùng	Tổng số dân	Số dân thành thị
Đồng bằng sông Hồng	23,5	8,8
Trung du và miền núi Bắc Bộ	13,0	2,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022 tỉ lệ dân thành thị của vùng Đồng bằng sông Hồng cao hơn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT HẬU GIANG
THI THỬ LẦN 1
ĐỀ THI CHÍNH THỨC

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.B	2.B	3.D	4.D	5.D	6.A	7.A	8.A	9.A	10.D
11.D	12.B	13.A	14.C	15.B	16.A	17.C	18.A		

Câu 1: Nguồn gốc gây ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay chủ yếu là

- A.** các hoạt động du lịch và thủy sản. **B.** phát triển công nghiệp và đô thị hóa.
C. sản xuất nông nghiệp và làng nghề. **D.** các khu kinh tế ven biển và đảo.

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Cách giải:

Nguồn gốc gây ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay chủ yếu là phát triển công nghiệp và đô thị hóa.

- Các hoạt động sản xuất công nghiệp thải ra một lượng lớn chất thải độc hại (khí thải, nước thải, chất thải rắn) vào môi trường nếu không được xử lý đúng cách. Sự gia tăng về số lượng và quy mô các khu công nghiệp, nhà máy đã và đang gây áp lực lớn lên môi trường.

- Quá trình đô thị hóa nhanh chóng dẫn đến sự gia tăng dân số và mật độ xây dựng tại các đô thị. Điều này gây ra nhiều vấn đề về ô nhiễm như:

+ Nước thải sinh hoạt: Lượng nước thải lớn từ các hộ gia đình, khu dân cư thường không được xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường.

+ Chất thải rắn: Lượng rác thải sinh hoạt ngày càng tăng, gây khó khăn trong việc thu gom và xử lý,

dẫn đến ô nhiễm đất và nguồn nước.

+ Ô nhiễm không khí: Phương tiện giao thông cá nhân tăng nhanh, hoạt động xây dựng và khí thải từ các hoạt động kinh tế khác góp phần gây ra ô nhiễm không khí đô thị.

Chọn B.

Câu 2: Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là

- A. dầu mỏ. B. gió. C. than nâu. D. than đá.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là gió.

Dầu mỏ, than nâu, than đá là các tài nguyên không tái tạo.

Chọn B.

Câu 3: Thuận lợi chủ yếu của nước ta để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt là

- A. nhiều bãi triều rộng và đầm phá. B. vịnh, bãi triều và rừng ngập mặn.
C. nhiều cửa sông rộng và gần nhau. D. sông ngòi dày đặc và nhiều ao hồ.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thuận lợi của ngành thủy sản nước ta.

Cách giải:

Thuận lợi chủ yếu của nước ta để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt là sông ngòi dày đặc và nhiều ao hồ.

A, B, C sai vì nhiều bãi triều rộng và đầm phá; vịnh, bãi triều và rừng ngập mặn; cửa sông là điều kiện thuận lợi cho nước ta phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.

Chọn D.

Câu 4: Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào dân số nước ta (phân phân bố dân cư).

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước (năm 2021, mật độ dân số của vùng là 1091 người/km²).

Chọn D.

Câu 5: Ngành giao thông vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh ở nước ta là

A. đường ô tô.

B. đường biển.

C. đường sắt.

D. đường hàng không.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải nước ta.

Cách giải:

Ngành giao thông vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh ở nước ta là đường hàng không.

Chọn D.

Câu 6: Đô thị nào sau đây ở nước ta là thành phố trực thuộc tỉnh?

A. Hạ Long.

B. Đà Nẵng.

C. Cần Thơ.

D. Huế.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung mạng lưới đô thị.

Cách giải:

Hạ Long là thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Chọn A.

Câu 7: Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh phát triển về

A. khai thác hải sản, du lịch biển.

B. trồng cây lương thực, cây ăn quả.

C. chăn nuôi lợn và gia cầm.

D. khai thác khoáng sản, thủy điện.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Duyên hải Nam Trung Bộ có thể mạnh phát triển các ngành kinh tế biển nên có thể mạnh để khai thác hải sản, du lịch biển.

B, C, D sai vì đó không phải là một trong các ngành kinh tế biển.

Chọn A.

Câu 8: Trung tâm công nghiệp lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Hà Nội.

B. Hải Phòng.

C. Phúc Yên.

D. Nam Định.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng (phần ngành công nghiệp).

Cách giải:

Trung tâm công nghiệp lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là Hà Nội.

Chọn A.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên khoáng sản của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Giàu khoáng sản bậc nhất nước ta.

B. Nghèo về tài nguyên khoáng sản.

C. Trữ lượng than lớn nhất cả nước.

D. Chủ yếu là khoáng sản phi kim loại.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Giàu khoáng sản bậc nhất nước ta là phát biểu đúng về tài nguyên khoáng sản của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C sai vì hiện nay, Đồng bằng sông Hồng mới là vùng có trữ lượng than lớn nhất.

D sai vì Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu là các loại khoáng sản: than, sắt, đồng, vàng,...

Chọn A.

Câu 10: Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Tây Nguyên là

- A. điều. B. chè. C. cao su. D. cà phê.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Tây Nguyên.

Cách giải:

Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Tây Nguyên là cà phê. Đây là vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất nước ta.

Chọn D.

Câu 11: Phía Bắc phần lãnh thổ trên đất liền nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- 2 A. Cam-pu-chia. B. Thái Lan. C. Mi-an-ma. D. Trung Quốc.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Phía Bắc phần lãnh thổ trên đất liền nước ta tiếp giáp với Trung Quốc.

B, C sai vì trên đất liền, nước ta không tiếp giáp với Thái Lan và Mi-an-ma.

A sai vì trên đất liền, nước ta tiếp giáp với Cam-pu-chia về phía tây.

Chọn D.

Câu 12: Du lịch về nguồn, tham quan tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch nước ta (phần sự phân hoá lãnh thổ du lịch).

Cách giải:

Du lịch về nguồn, tham quan tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, hệ sinh thái núi cao, hang động nghỉ dưỡng núi, nghỉ cuối tuần, du lịch biên giới gắn với thương mại cửa khẩu,... là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn B.

Câu 13: Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. đường bờ biển dài, nhiều đảo, bán đảo, đầm phá.
- B. nhiều sông suối, khí hậu có mùa đông lạnh.
- C. vùng biển rộng, nhiều ngư trường trọng điểm.
- D. nguồn lợi hải sản phong phú, nhiều vịnh biển.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

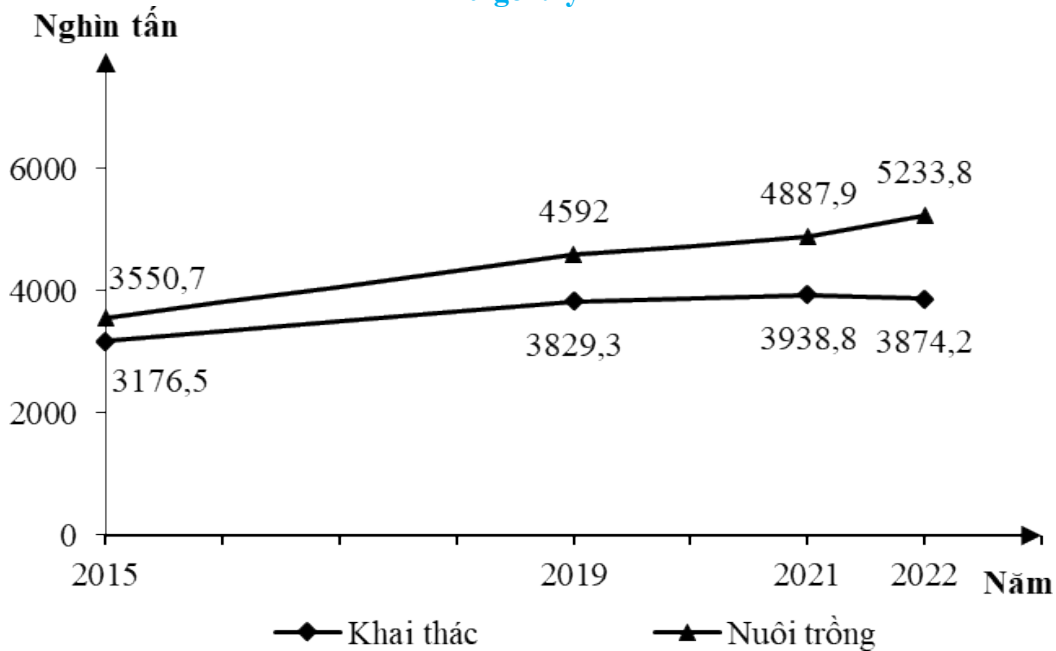
Cách giải:

Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là đường bờ biển dài, nhiều đảo, bán đảo, đầm phá.

B, C, D sai vì khí hậu có mùa đông lạnh, nhiều ngư trường trọng điểm, nhiều vịnh biển không phải là các thế mạnh để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.

Chọn A.

Câu 14: Cho biểu đồ:



Sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2015 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng nuôi trồng tăng ít hơn khai thác.
- B. Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- C. Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.
- D. Sản lượng khai thác giảm, nuôi trồng giảm.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và chọn nhận xét đúng.

Lưu ý: để biết tăng nhanh/chậm ta dùng phép chia; để biết tăng nhiều/ít ta dùng phép trừ.

Cách giải:

Dựa vào biểu đồ ta thấy:

- Sản lượng khai thác tăng: $3874,2 - 3176,5 = 697,7$ nghìn tấn; $3874,2/3176,5 = 1,2$ lần
- Sản lượng nuôi trồng tăng: $5233,8 - 3550,7 = 1683,1$ nghìn tấn; $5233,8/3550,7 = 1,5$ lần

=> Sản lượng nuôi trồng tăng nhiều hơn và nhanh hơn sản lượng khai thác.

=> C là nhận xét đúng.

Chọn C.

Câu 15: Nhận định nào sau đây **không đúng** với thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta hiện nay?

- A. Các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- B. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
- C. Nguồn lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn.
- D. Thu hút được nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

Cách giải:

Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là nhận định **không đúng** với thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta hiện nay vì ngành này không sử dụng nguyên liệu từ tài nguyên khoáng sản. Ngành này chủ yếu dựa vào các linh kiện, chip điện tử, vật liệu bán dẫn... thường phải nhập khẩu từ nước ngoài.

Chọn B.

Câu 16: Loại gió gây mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ nước ta là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Loại gió gây mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ nước ta là gió mùa Đông Bắc. Vào thời kì nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc thổi lệch hướng ra phía biển. Khi di chuyển qua biển Đông, khối không khí lạnh này được tăng cường thêm hơi ẩm. Khi vào đến đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ, gặp địa hình và tác động của frông lạnh, hơi ẩm trong không khí ngưng tụ thành những hạt nước nhỏ li ti, tạo ra hiện tượng mưa phùn.

Chọn A.

Câu 17: Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. mở rộng diện tích canh tác, xây dựng công trình thủy lợi.
- B. thay đổi cơ cấu cây trồng, tích cực cải tạo tài nguyên đất.
- C. xây dựng công trình thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- D. tiến hành cải tạo đất đai, mở rộng thêm diện tích canh tác.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào phát triển các ngành kinh tế Đông Nam Bộ (phần nông nghiệp) kết hợp với các hạn chế tự nhiên của vùng.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là xây dựng công trình thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.

- Xây dựng công trình thủy lợi: Đông Nam Bộ có mùa khô kéo dài và lượng mưa phân bố không đều. Việc xây dựng các hồ chứa nước, kênh mương tưới tiêu giúp chủ động nguồn nước tưới cho cây trồng, đặc biệt là trong mùa khô, đảm bảo năng suất và ổn định sản xuất.

- Thay đổi cơ cấu cây trồng: Đông Nam Bộ có tiềm năng lớn để phát triển các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao (cao su, điều, cà phê, hồ tiêu), cây ăn quả (xoài, chôm chôm, sầu riêng...) và các loại rau màu chất lượng cao phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái và nhu cầu thị trường sẽ nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp.

A, B, D sai vì: mở rộng diện tích canh tác không phải là giải pháp bền vững do quỹ đất có hạn và có thể ảnh hưởng đến môi trường, cải tạo đất là cần thiết ở một số khu vực, nhưng không phải là vấn đề cấp bách và bao trùm như thủy lợi

Chọn C.

Câu 18: Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.
- B. các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.
- C. địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.
- D. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các nguyên nhân gây ra sự đối lập về lượng mưa (lưu ý ở đặc điểm địa hình) và kết hợp với các loại gió thổi ở khu vực Tây Nguyên.

Cách giải:

Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc. Khi Tây Nguyên, Nam Bộ đón các luồng gió hướng tây nam (gió tây nam vào đầu mùa hạ và gió mùa Tây Nam vào giữa và cuối mùa hạ) đem lại mưa lớn thì Đông Trường Sơn đang là mùa khô. Ngược lại Đông Trường Sơn đón các luồng gió hướng đông bắc từ biển vào (Tín phong Bắc bán cầu, gió mùa Đông Bắc) thì Tây Nguyên – Nam Bộ là mùa khô. Các hiện tượng trên đều do dãy núi Trường Sơn chạy theo hướng tây bắc – đông nam – đây là một bức chắn địa hình gây ra sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn.

- B, C sai vì gió Tây Nam nóng ẩm gây mưa cho Tây Nguyên, nhưng không giải thích được tại sao sườn Đông Trường Sơn lại khô. Địa hình đa dạng không phải là nguyên nhân của sự đối lập về lượng mưa.

- D sai vì gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc là chưa đủ => đáp án A khái quát hơn.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	ĐSĐS	SĐĐĐ	ĐĐSS

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2020	2022
Khai thác	2472,2	3176,5	3896,5	3874,3
Nuôi trồng	2732,3	3550,7	4739,2	5233,8

<i>Tổng</i>	<i>5204,5</i>	<i>6727,2</i>	<i>8635,7</i>	<i>9108,1</i>

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a) Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong cơ cấu sản lượng thủy sản có xu hướng giảm.
- b) Năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác chiếm 57,5% tổng sản lượng thủy sản.
- c) Sản lượng thủy sản nước ta tăng trong giai đoạn 2010 – 2022.
- d) Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 – 2022, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

Câu 1 (VD):

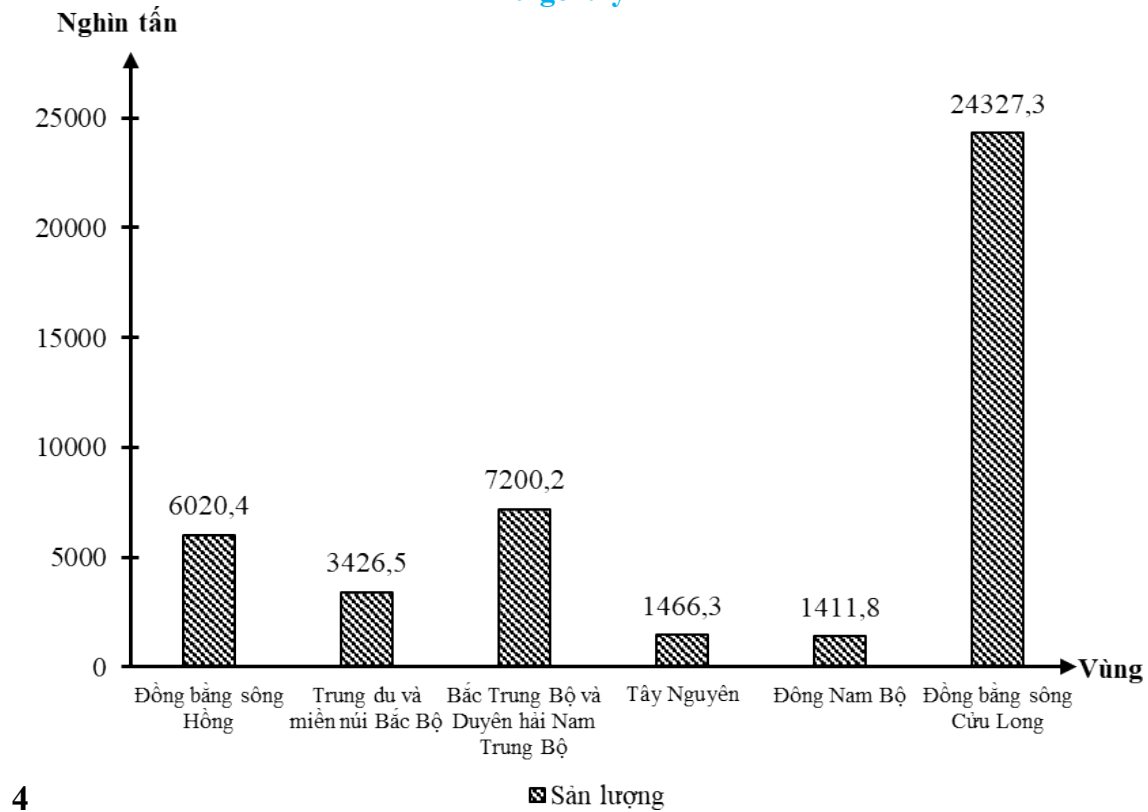
Phương pháp:

- a,b) Dựa vào công thức: Tỷ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100
- c) Dựa vào tổng sản lượng thủy sản giai đoạn 2010 – 2022.
- d) Nhận dạng biểu đồ dựa vào các từ khoá: cơ cấu, giai đoạn 2010 – 2022 (4 năm).

Cách giải:

- a) Đúng.
 - Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong cơ cấu sản lượng thủy sản năm 2010 là:
 $(2472,2/5204,5)*100 = 47,5\%$
 - Tính tương tự, tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác năm 2015, 2020, 2022 lần lượt là: 47,1%; 45,1%; 42,5%.
- => Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong cơ cấu sản lượng thủy sản có xu hướng giảm.
- b) Sai. Dựa vào phân tích toán ý a, ta có năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác chiếm 42,5% tổng sản lượng thủy sản.
- c) Đúng. Tổng sản lượng thủy sản của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010 – 2022.
- d) Sai. Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 – 2022, biểu đồ miền là thích hợp nhất vì biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu của các đối tượng trên 3 năm. (Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng).

Câu 2: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG LÚA CÁC VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

- Tổng sản lượng lúa của nước ta năm 2021 là 43852,5 nghìn tấn.
- Sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ lớn nhất.
- Sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ gấp 4,9 lần sản lượng lúa của Tây Nguyên.
- Chênh lệch sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ là gần 22,9 nghìn tấn.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

- Lấy sản lượng lúa của 6 vùng cộng lại.
- Dựa vào biểu đồ.
- Lấy sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ chia cho sản lượng lúa của Tây Nguyên.
- Lấy sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long trừ cho sản lượng lúa của Đông Nam Bộ.

Cách giải:

- Đúng. Tổng sản lượng lúa của nước ta năm 2021 là:

$6020,4 + 3426,5 + 7200,2 + 1466,3 + 1411,8 + 24327,3 = 43852,5$ nghìn tấn.

b) Sai. Sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long lớn nhất.

c) Đúng. So với Tây Nguyên, sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ gấp: $7200,2/1466,3 = 4,9$ lần.

d) Sai. Chênh lệch sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ là: $24327,3 - 1411,8 = 22915,5$ nghìn tấn $\Rightarrow$ hơn 22,9 nghìn tấn.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Nhiệt độ trung bình năm của cả nước trên 20°C (trừ vùng núi cao), tổng số giờ nắng từ 1400 – 3000 giờ, lượng mưa trung bình năm từ 1500 – 2000 mm, độ ẩm không khí trung bình khoảng 80 – 85%, cân bằng ẩm luôn dương.

a) Cân bằng ẩm nước ta luôn dương là do lượng bốc hơi luôn lớn hơn lượng mưa.

b) Nhiệt độ trung bình cả năm trên cả nước cao nguyên nhân chính là do lượng bức xạ mặt trời quanh năm dương.

c) Đặc điểm trên biểu hiện khí hậu nước ta là nhiệt đới ẩm.

d) Độ ẩm không khí cao là do ảnh hưởng của biển và các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với các yếu tố địa hình.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào công thức: Cân bằng ẩm = Lượng mưa – Lượng bốc hơi

b, c, d) Dựa vào đoạn thông tin và nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

a) Sai. Cân bằng ẩm nước ta luôn dương là do lượng mưa lớn hơn lượng bốc hơi.

b) Đúng. Do vị trí địa lý của Việt Nam nằm trong vùng nội chí tuyến, nơi nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn quanh năm. "Quanh năm dương" ở đây có thể hiểu là lượng bức xạ mặt trời luôn có giá trị dương, tức là luôn nhận được năng lượng từ Mặt Trời. Từ đó làm cho nhiệt độ trung bình năm cao.

c) Đúng. Các yếu tố nhiệt độ cao quanh năm, số giờ nắng lớn, lượng mưa dồi dào và độ ẩm không khí cao là những đặc trưng cơ bản của khí hậu nhiệt đới ẩm.

d) Đúng. Việt Nam có đường bờ biển dài, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển Đông. Các khối khí di chuyển qua biển mang theo lượng hơi ẩm lớn vào đất liền. Ở sườn đón gió sẽ có lượng mưa lớn và

độ ẩm cao.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế: đất phù sa màu mỡ, nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động cao bậc nhất cả nước, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kỹ thuật đồng bộ,... Công nghiệp của vùng đứng hàng đầu cả nước với cơ cấu ngành đa dạng. Dịch vụ là ngành kinh tế chiếm tỉ trọng cao nhất trong GRDP của vùng với các ngành chính: giao thông vận tải, thương mại, du lịch, tài chính – ngân hàng,...⁵

- a) Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng có nền kinh tế phát triển hàng đầu ở nước ta.
- b) Du lịch của vùng phát triển với các sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch văn hóa; du lịch lễ hội; du lịch sinh thái; du lịch biển, đảo; du lịch MICE;...
- c) Hiện nay, công nghiệp của vùng phát triển mạnh chủ yếu do có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
- d) Công nghiệp khai thác khoáng sản của vùng ngày càng phát triển và chiếm tỉ trọng lớn.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

- a) Đúng. Đoạn thông tin cho thấy vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, công nghiệp đứng hàng đầu cả nước và dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong GRDP. Điều này khẳng định Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng kinh tế phát triển nhất của Việt Nam.
- b) Đúng.
- c) Sai. Đồng bằng sông Hồng không được đánh giá là vùng có thế mạnh về tài nguyên khoáng sản như một số vùng khác của nước ta, công nghiệp của vùng phát triển mạnh chủ yếu do có nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động cao bậc nhất cả nước, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kỹ thuật đồng bộ,... Đặc biệt, đối với thế mạnh về chất lượng lao động, cơ sở hạ tầng; vùng có khả năng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.
- d) Sai. Các ngành công nghiệp phát triển mạnh và chiếm tỉ trọng cao của Đồng bằng sông Hồng hiện nay là: công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất ô tô và xe động cơ khác; sản xuất, chế biến thức phẩm; dệt, sản xuất trang phục. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng làm suy giảm tài nguyên khoáng sản; hiện nay vùng Đồng bằng sông Hồng cũng như cả nước đang đẩy mạnh phát triển các ngành chế biến, các ngành công nghiệp

công nghệ cao.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	3335	300	673	70,8	11,9	15,9

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022 NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tổng lượng mưa tại Vinh năm 2022 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tổng lượng mưa = lượng mưa tháng 1 + lượng mưa tháng 2 + ... + lượng mưa tháng 12

Cách giải:

Tổng lượng mưa tại Vinh năm 2022 là: $27,4 + 77,2 + 68,8 + \dots + 47,2 = 3335,1 \approx 3335$ mm

Câu 2: Dân số Việt Nam năm 2022 là 99 474,4 nghìn người, diện tích là 331 345,7 km² (Theo niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số năm 2022 của Việt Nam là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 99 474,4 nghìn người = 99 474 400 người

Mật độ dân số nước ta năm 2022 là: $99\,474\,400 / 331\,345,7 = 300$ người/km²

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Mức nước một số sông chính ở nước ta, năm 2022

(Đơn vị: cm)

Mức nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Lô (trạm Tuyên Quang)	2 203	1 175
Sông Thương (trạm Cầu Sơn)	1 587	1 232

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Thương tại trạm Cầu Sơn là bao nhiêu cm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Tính sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Lô và sông Thương sau đó làm phép trừ.

Cách giải:

Năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Thương tại trạm Cầu Sơn là: $(2\,203 - 1\,175) - (1\,587 - 1\,232) = 673$ cm

Câu 4: Năm 2023, diện tích gieo trồng lúa đông xuân của tỉnh Thái Bình là 74,9 nghìn ha, sản lượng lúa đông xuân thu hoạch được là 530,3 nghìn tấn. Tính năng suất lúa vụ đông xuân của Thái Bình năm 2023 đạt bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Đổi 530,3 nghìn tấn = 5303 nghìn tạ

Năng suất lúa vụ đông xuân của Thái Bình năm 2023 đạt: $5303/74,9 = 70,8$ tạ/ha

Câu 5: Năm 2022, trị giá nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 359,8 tỉ USD, trị giá xuất khẩu là 371,7 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).**6**

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Cán cân xuất nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu

Cách giải:

Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là: $371,7 - 359,8 = 11,9$ tỉ USD

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và số dân thành thị một số vùng ở nước ta năm 2022

(Đơn vị: triệu người)

Vùng	Tổng số dân	Số dân thành thị
Đồng bằng sông Hồng	23,5	8,8
Trung du và miền núi Bắc Bộ	13,0	2,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022 tỉ lệ dân thành thị của vùng Đồng bằng sông Hồng cao hơn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ lệ dân thành thị = (Số dân thành thị/Tổng số dân)*100

Cách giải:

Năm 2022 tỉ lệ dân thành thị của vùng Đồng bằng sông Hồng cao hơn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

$$[(8,8/23,5)*100] - [(2,8/13,0)*100] = 15,9\%$$

----- HẾT -----